

Số: 11...../BC-STTTT

Sóc Trăng, ngày 22.. tháng 02 năm 2019

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số: 20.72  
Ngày: 28/02/2019

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II/2019

Thực hiện Công văn số 1699/SNV-CCHC ngày 13/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng V/v hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC), Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II/2019, cụ thể như sau:

#### I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC trong quý I/2019:

##### 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án CCHC của tỉnh:

###### a) Các nhiệm vụ được giao:

- Theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc thực hiện CCHC năm 2019: Sở được giao chủ trì thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính nhà nước. Thực hiện kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ đối với lĩnh vực được phân công. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả, tiến độ ứng dụng CNTT, mức độ hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh. Định kỳ và đột xuất báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nội dung phân công.

- Theo Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc tuyên truyền CCHC tỉnh Sóc Trăng năm 2019: Sở được giao hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh phối hợp tuyên truyền về công tác CCHC tỉnh; quản lý hiệu quả Cổng TTĐT của tỉnh, thường xuyên đăng tải các tin bài về CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh theo chỉ đạo của Ban Biên tập Cổng TTĐT của tỉnh Sóc Trăng; phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh duy trì và phát triển Cổng TTĐT CCHC tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ 100% cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có Cổng TTĐT thiết kế Chuyên mục CCHC.

###### b) Tiến độ đạt/chưa đạt của các phần việc được giao và đánh giá sơ bộ nội dung đã thực hiện:

- Đối với Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 26/12/2019 của UBND tỉnh: Hiện nay, Sở đang hoàn thiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng, dự kiến trình UBND tỉnh Sóc Trăng (lần 2) trong tháng 3/2019. Khi được UBND tỉnh ký ban hành, Sở sẽ triển khai thực hiện theo đúng nhiệm vụ được giao và theo đúng nội dung, tiến độ, thời gian được đề ra trong Kế hoạch.



- Đối với Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng: Hiện nay, Sở đang triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện theo đúng các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng. Dự kiến Sở sẽ ký ban hành kế hoạch trong tháng 3/2019. Tuy đến thời điểm báo cáo, Sở chưa ban hành kế hoạch tuyên truyền trên địa bàn tỉnh nhưng Sở đã tiến hành đăng tải đầy đủ các văn bản của UBND tỉnh có nội dung liên quan đến CCHC và TTHC lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở để người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan, đơn vị,... biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

Nhìn chung, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao được Sở gấp rút triển khai thực hiện. Tiến độ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao cho Sở được thực hiện theo đúng tiến độ và đúng thời gian quy định.

c) Nguyên nhân chưa đạt: Không có.

**2. Tình hình tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành thông tin và truyền thông triển khai trên địa bàn tỉnh:** Hiện nay, Sở đang điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng và dự kiến trình UBND tỉnh Sóc Trăng lần 2 trong tháng 3/2019.

a) Đánh giá rõ hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai đến thời điểm báo cáo: Tiến độ xây dựng Kế hoạch được đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định. Các nội dung của Kế hoạch bao quát đầy đủ các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho Sở. Khi được UBND tỉnh ký ban hành Kế hoạch, Sở sẽ triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nội dung đã đề ra trong Kế hoạch và các nhiệm vụ khác có liên quan được UBND tỉnh giao.

b) Nguyên nhân: Không có.

**3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Sở:**

a) Nội dung đã ban hành: Sở ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 10/01/2019 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019; Kế hoạch số 03/KH-STTTT ngày 10/01/2019 về việc thực hiện công tác pháp chế năm 2019; Kế hoạch số 05/KH-STTTT ngày 16/01/2019 về việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2019; Kế hoạch số 06/KH-STTTT ngày 24/01/2019 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2019; Kế hoạch số 07/KH-STTTT ngày 24/01/2019 về việc thực hiện CCHC năm; Kế hoạch số 09/KH-STTTT ngày 25/02/2019 Rà soát, đánh giá TTHC năm 2019 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 05/QĐ-STTTT ngày 25/02/2019 về việc giao biên chế công chức, phân bổ số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ, năm 2019;...

b) Hiệu quả, tiến độ, tỷ lệ phần việc đã triển khai tính đến thời điểm báo cáo: Qua việc ban hành và triển khai thực hiện các phần việc nêu trên đã giúp các việc giải quyết các công việc có liên quan tại Sở được thực hiện nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm, hiệu quả,... Tính đến thời điểm báo cáo, tỷ lệ phần việc được triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời gian đề ra.

**4. Việc triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC tại đơn vị:** Sở đã triển khai 02 giải pháp (sáng kiến) trong công tác CCHC là: “Thực hiện văn hóa công sở hành chính nhà nước tại Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng” và “Nâng cao chất lượng quản lý chứng thư số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”.

## **II. Kết quả chủ yếu đạt được:**

### **1. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh:**

a) Kết quả đạt được trong triển khai nhiệm vụ CCHC được giao theo chức năng nhiệm vụ phụ trách của ngành:

- Thực hiện việc phân cấp quản lý: Theo Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng Về việc thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì không có nội dung quy định về phân cấp quản lý nhà nước thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. Hiện nay, Sở không có đơn vị trực thuộc ở cấp huyện và cấp xã. Tuy nhiên, Sở Thông tin và Truyền thông có tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 01 văn bản giao cho UBND cấp huyện thực hiện 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018). Theo quy định, UBND cấp huyện báo cáo trực tiếp kết quả thực hiện các TTHC này về Sở Nội vụ.

- Công tác hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo một số nội dung về công tác ứng dụng CNTT tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh trong quý I/2019, cụ thể như sau:

+ Về Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh: Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong các CQNN tỉnh Sóc Trăng năm 2019 (lần 1). Sở dự kiến trình UBND tỉnh Sóc Trăng lần 2 trong tháng 3/2019.

+ Tình hình xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh: Đang ở giai đoạn thực hiện đầu tư.

+ Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã triển khai 100% các sở, ngành tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% cấp xã. Đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối liên thông theo trực liên thông văn bản của Văn phòng Chính phủ;

+ Phần mềm Một cửa điện tử đã triển khai 100% các sở, ban, ngành tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã. Công dịch vụ công của tỉnh đã xây dựng hoàn tất, tiếp tục vận hành và duy trì để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

+ Hệ thống mạng nội bộ đã kết nối 100% các sở, ban, ngành tỉnh, 100% UBND cấp huyện và 100% UBND cấp xã.

b) Các biểu mẫu đính kèm: Biểu mẫu số 10A, 11A và 12.

## 2. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở:

a) Báo cáo thông tin theo mẫu:

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Dương Quốc Việt	Giám đốc Sở	Dqviet @soctrang.gov.vn/ 0913.983483
2	Công chức phụ trách CCHC	Nguyễn Tiến Lên	Chánh Văn phòng Sở	Ntlen @soctrang.gov.vn/ 0916.861396
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Chung Quốc Toàn	Trưởng phòng CNTT	Cqtoan @soctrang.gov.vn/ 0919.130077
4	Công chức phụ trách Bộ phận TNVHTKQ hồ sơ TTHC			
	- Trưởng Bộ phận	Nguyễn Tiến Lên	Chánh Văn phòng Sở	Ntlen @soctrang.gov.vn/ 0916.861396
	Phụ trách tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC	Lê Trúc Mạnh	Cán sự (Đang làm việc tại Trung tâm PVHCC của tỉnh)	Ltmanh @soctrang.gov.vn/ 0943.110979
		Bùi Hồng Dung	Cán sự Văn thư đi (Dự bị làm việc tại Trung tâm PVHCC của tỉnh)	Bhdung @soctrang.gov.vn/ 0914.221232

b) Kết quả nổi bật đạt được trong triển khai 6 nhiệm vụ CCHC và một số nhiệm vụ khác: Đính kèm các biểu mẫu: 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14.

### III. Những khó khăn, vướng mắc:

1. Hiện nay, theo như chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở TTTT chưa đủ nhân lực để thực hiện tất cả nhiệm vụ. Đồng thời, Ngành TTTT tiếp tục được giao nhiều nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, thực hiện Đề án Tỉnh giảm biên chế của tỉnh, Sở TTTT cũng tình giảm theo tỉ lệ như các đơn vị khác. Điều này đã tạo ra rất nhiều khó khăn trong quá trình kiện toàn tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Một số cán bộ, công chức, viên chức không theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới nhưng việc sắp xếp, bố trí lại gặp rất nhiều khó khăn.

3. Do đặc thù chuyên môn của Sở, việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở gặp rất nhiều khó khăn.

4. Một số cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có cán bộ lãnh đạo tại một số cơ quan, đơn vị chưa đánh giá hết ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính nên chưa tích cực hưởng ứng, tham gia phối hợp, hỗ trợ, thực hiện,...

5. Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế và phân bổ chậm.

6. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

7. Do quý I/2019, số ngày nghỉ Lễ, Tết nhiều, đã nhiều ảnh hưởng đến việc xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác CCHC của Sở.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị:**

1. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã thực hiện tốt các nhiệm vụ về hiện đại hóa nền hành chính, dịch vụ bưu chính công ích,.... Đồng thời, gửi báo cáo định kỳ theo đúng thời gian quy định để Sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian quy định.

2. Hiện nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đã đi vào hoạt động. Sở Nội vụ sớm tham mưu cho UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo sắp xếp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC tại các Sở ngành tỉnh.

#### **V. Phương hướng, nhiệm vụ trong quý II/2019:**

1. Sở triển khai thực hiện tốt, hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án CCHC của tỉnh; tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành thông tin và truyền thông triển khai trên địa bàn tỉnh (nếu có); tiếp tục nghiên cứu, ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại Sở; tiếp tục triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC của Sở;...

2. Đẩy mạnh triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao về thực hiện CCHC của tỉnh - cụ thể là nhiệm vụ hiện đại hóa nền hành chính nhà nước của tỉnh; tuyên truyền về cải cách hành chính của tỉnh.

#### **3. Về cải cách thể chế:**

a) Rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; tổ chức bộ máy của Sở.

b) Kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành theo chức năng nhiệm vụ được giao.

#### **4. Về cải cách TTHC:**

a) Rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo quyết định chuẩn hóa của Bộ Thông tin và Truyền thông để trình Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo quy định.

b) Thống kê số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, trên Cổng TTĐT của Sở và Cổng TTĐT của tỉnh.

c) Thống kê số lượng phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức đối với TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (khi có phát sinh).

#### **5. Cải cách tổ chức bộ máy:**

a) Thực hiện sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự theo chỉ đạo của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh; Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức của Sở năm 2019.

b) Tiếp tục triển khai thực Đề án vị trí việc làm của Sở và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông. Đồng thời, hoàn thành các thủ tục về tuyển dụng viên chức.

c) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các phòng và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

d) Tổ chức rà soát Quy chế làm việc của Sở để kịp thời sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới cho phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tiễn.

#### **6. Về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:**

a) Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm, đúng trình độ chuyên môn được đào tạo, tuyển dụng.

b) Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đơn vị. Chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, dài hạn và bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ,... nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế.

d) Đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo đúng quy định và nhu cầu thực tế của Sở.

e) Cử công chức, viên chức thuộc Sở thi nâng ngạch, thi nâng hạng theo đúng thành phần và đúng quy định.

## **7. Cải cách tài chính công:**

a) Rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công của Sở cho phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Sở tiếp tục triển khai thực hiện để hoàn thiện cơ chế và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài Chính và Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ; Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;.... Bên cạnh đó, tiến hành tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan các văn bản của Trung ương cũng như địa phương có liên quan đến việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng, chống tham nhũng;... đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Trong mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, bảo đảm thực hiện đúng theo trình tự quy định, dự toán ngân sách và thông qua cơ quan tài chính thẩm định không để xảy ra tình trạng lãng phí. Việc quản lý tài sản công được kiểm kê và tính khấu hao theo đúng quy định.

c) Nghiên cứu và thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan. Đồng thời, tổ chức góp vốn xoay vòng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan.

## **8. Hiện đại hóa nền hành chính:**

a) Đối với nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh: Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Sóc Trăng 2019; thường xuyên phối hợp với các ngành, các cấp triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với nhiệm vụ CCHC triển khai tại Sở:

- Xây dựng và triển khai thực Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của Sở năm 2019; tiếp tục ứng dụng chương trình quản lý văn bản nhằm mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều hành, quản lý các mặt trong công tác quản lý hành

chính nhà nước của đơn vị được nhanh chóng, có hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;...

- Triển khai Kế hoạch duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 - 2015 tại đơn vị.

**9. Về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:** Tiếp tục cử công chức chính thức và công chức dự bị thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

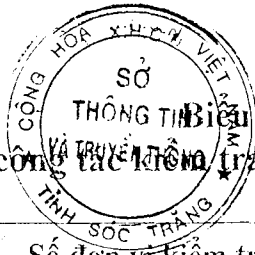
**10. Về công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân:** Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân. *lily*

*Nơi nhận:*  
- Sở Nội vụ;  
- Lưu: VT.



**Dương Quốc Việt**





**Biểu mẫu 1B**  
**Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ CCHC Quý I/2019**

STT	Nội dung thống kê	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0	0	0	0	0
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 (hiện nay là 9001:2015)	0	0	0	0	0
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính (*)	0	0	0	0	0
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)	0	0	0	0	0


(\*) Kế hoạch số 05/KH-STTTT ngày 16/01/2019 về việc thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2019. *mlr*



**Biên mẫu 2B**  
**Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện**  
**văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh Quý I/2019**

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</b>		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	0	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	0	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	13	Kiểm tra thường xuyên theo Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 10/01/2019 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019.
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	13	Rà soát thường xuyên theo Kế hoạch số 02/KH-STTTT ngày 10/01/2019 về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019.
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	03	Trong đó bãi bỏ 01 quyết định và thay thế 02 quyết định (Báo cáo số 26/BC-STTTT ngày 20/02/2019 của Sở TTTT tỉnh Sóc Trăng).
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	0	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	

*[Handwritten signature]*  
10

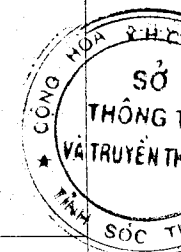

**Biểu mẫu 3B**  
**Thông kê số liệu về công tác kiểm soát TTIC tại các đơn vị Quý I/2019**

STT	Nội dung thông kê	Số liệu thông kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTIC	Có	Kế hoạch số 09/KH-STTTT ngày 25/02/2019 về việc rà soát, đánh giá TTIC năm 2019 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TTTT.
2	Số lượng TTIC đã công khai tại Bảng niêm yết TTIC	41	
3	Số lượng TTIC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử	41	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

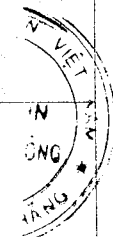
*Handwritten signature*

**Biểu mẫu 4B**  
**Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết Quý I/2019**

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
1	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết</i>	41	0	0	0	41	0	0	0	
1	Lĩnh vực Bưu chính: 06 TTHC	06	0	0	0	06	0	0	0	QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018:
2	Lĩnh vực Báo chí	03	0	0	0	03	0	0	0	QĐ số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017
3	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	17	0	0	0	14	0	0	0	QĐ số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017; QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 và QĐ số 1332/QĐ-UBND ngày 01/6/2016
4	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	14	0	0	0	14	0	0	0	QĐ số 1490/QĐ-UBND ngày 26/6/2018; QĐ số 1326/QĐ-UBND ngày 31/5/2016; QĐ số 931/QĐ-UBND ngày 18/4/2018
5	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	01	0	0	0	01	0	0	0	QĐ số 920/QĐ-UBND ngày 24/4/2017



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
II	TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện	06	0	0	0	06	0	0	0	
1	Lĩnh vực Xuất bản, In, Phát hành	02	0	0	0	02	0	0	0	QĐ số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018
2	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	04	0	0	0	04	0	0	0	QĐ số 1491/QĐ-UBND ngày 26/6/2018
III	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số = (I) + (II) + (III)		47	34	34	0	47	0	0	0	



*Handwritten signature*



Biểu mẫu 5B

Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp, sở ngành, cấp huyện Quý I/2019

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh	31	8	23	14	14	0	17	17	0	Từ ngày 16/11/2018 đến ngày 31/12/2018
		21	0	21	21	20	1	0	0	0	Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 25/02/2019
	Tổng số:	52	8	34	35	34	1	17	17	0	Quý I/2019
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện										Nội dung này do cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính báo cáo.
	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã										(Cấp xã báo cáo số liệu cho cấp huyện; cấp huyện trực tiếp báo cáo Sở Nội vụ theo quy định)
Tổng số = I + II		52	8	34	35	34	1	17	17	0	


*Handwritten signature*



**Biên mẫu 6B**  
**Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Quý I/2019**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình gián biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tình gián	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn					
I	Các cơ quan tỉnh	8	0	4	0	0	0	7	0	3	0	28	0	0	0	
II	UBND cấp huyện															
III	UBND cấp xã															
Tổng số = (I) + (II) + (III)		8	0	4	0	0	0	7	0	3	0	28	0	0	0	

*huly*


  
**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**
  
**Biểu mẫu 7B**
  
**Thông kê số liệu về CBCCVC Quý I/2019**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng		Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC	Nâng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyển môn		Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên		TX	TH
I	<i>Các cơ quan tỉnh</i>	37	10	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
1	<i>Sở Thông tin và Truyền thông</i>	28	0	23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
2	<i>Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (đơn vị sự nghiệp thuộc Sở)</i>	9	10	17	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0

*Handwritten signature*





Thống kê số liệu về triển khai thực hiện sách cải cách công chức, công vụ

Quy 1/2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	1	(Tất cả 07/07 phòng thuộc Sở đã hoàn thiện bản mô tả)
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	1	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	



Biểu mẫu 9B  
Thống kê số liệu về các cách tài chính công Quý I/2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	0	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	1	0	
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	0	0	

*Handwritten signature*



**Biểu mẫu 10A**  
**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quý I/2019**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	19.510	11.155	8.355	289	1.608	1.591	17	174	2.884	2.018	866	
II	UBND cấp huyện	22.493	15.780	6.713	210	8.485	8.485	0	6	2	2	0	
<b>Tổng số = (I) + (II)</b>		<b>42.003</b>	<b>26.935</b>	<b>15.068</b>	<b>499</b>	<b>10.093</b>	<b>10.076</b>	<b>17</b>	<b>180</b>	<b>2.886</b>	<b>2.020</b>	<b>866</b>	

*Handwritten signature*



**Biểu mẫu 10B**  
**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến Quý I/2019**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú	
		Tổng số văn bản đi	Trong đó		Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
I	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	19.510	11.155	8.355	289	1.608	1.591	17	174	2.884	2.018	866	
II	UBND cấp huyện	22.493	15.780	6.713	210	8.485	8.485	0	6	2	2	0	
Tổng số = (I) + (II)		42.003	26.935	15.068	499	10.093	10.076	17	180	2.886	2.020	866	

*Handwritten signature*

Biểu mẫu 11A

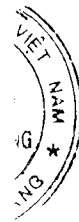
Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) trên địa bàn tỉnh Quý I/2019

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo	Số lượng hồ sơ có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo						Ghi chú
				Số hồ sơ tiếp nhận			Số hồ sơ trả kết quả			
				Từ 16/11/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2019 đến 25/02/2019	Tổng cộng Quý I năm 2019	Từ 16/11/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2019 đến 25/02/2019	Tổng cộng Quý I năm 2019	
I	Cơ quan cấp tỉnh	930	37	4.232	5.208	9.440	12.964	16.839	29.803	
1	Công an	4	4				6.895	9.434	16.329	
2	Bảo hiểm Xã hội	28	6	3.901	4.911	8.812	4.799	6.027	10.826	
3	Sở Tư pháp	81	1	166	105	271	249	101	350	
4	Sở Giao thông vận tải	46	3	135	179	314	459	653	1.112	
5	Sở Tài Nguyên Môi Trường	95	2					3	3	
6	Sở Y tế	134	4				4	12	16	
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	76	3		1	1	3	5	8	
8	Sở Văn hóa Thể	51	5	28	12	40	15	6	21	



	thao và Du lịch									
9	Thanh tra tỉnh	7	1				10	9	19	
10	Sở Nội vụ	65	1					2	2	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	29								
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	117	3				2	9	11	
13	Sở Công thương	19	2	2		2		1	1	
14	Sở Tài chính	17								
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	1					9	9	
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	100								
17	Sở Thông tin và Truyền thông	41								
18	Sở Xây dựng	13								
19	Ban Dân tộc	2								
20	Văn phòng đăng ký đất đai	1	1				528	568	1.096	
<b>II</b>	<b>UBND cấp huyện</b>	<b>501</b>	<b>12</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>34</b>	<b>26</b>	<b>60</b>	
1	Thành phố Sóc Trăng	107	1				20	9	29	

2	Thị xã Ngã Năm	16	1				4	2	6	
3	Huyện Kế Sách	16								
4	Huyện Long Phú	128	7				9	8	17	
5	Huyện Cù Lao Dung	11	2	1	1	2	1	1	2	
6	Huyện Mỹ Xuyên	137								
7	Huyện Thạnh Trị	78								
8	Huyện Mỹ Tú	8	1					6	6	
<b>III</b>	<b>UBND cấp xã</b>	<b>10</b>			-					
1	Huyện Long Phú	2								
2	Huyện Cù Lao Dung	6								
3	Huyện Mỹ Tú	2								
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>		<b>1.441</b>	<b>49</b>	<b>4.233</b>	<b>5.209</b>	<b>9.442</b>	<b>12.998</b>	<b>16.865</b>	<b>29.863</b>	



*Suby*



Biểu mẫu 11B  
Thông kê số liệu về khai thác triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)  
tại Sở Thông tin và Truyền thông Quý I/2019

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo	Số lượng hồ sơ có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
				Số hồ sơ tiếp nhận	Số hồ sơ trả kết quả	
1	Sở Thông tin và Truyền thông (Số liệu thống kê từ 16/11/2018 - 31/12/2018)	41	0	0	0	
2	Sở Thông tin và Truyền thông (Số liệu thống kê từ 01/01/2019 - 25/02/2019)	41	0	0	0	
Tổng cộng		41	0	0	0	

*Subis*

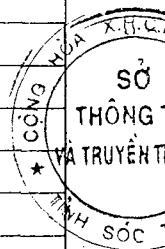


Biểu mẫu 12

Thống kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử

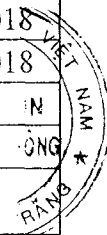
Số liệu được thống kê đến ngày 25/2/2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>				
1	Sở Nội vụ	228	186	1	
2	Sở Tài chính	83	13	0	
3	Sở Y tế	182	38	0	
4	Sở Tài nguyên và Môi trường	64	39	3	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	58	53	0	
6	Thanh Tra tỉnh	7	5	0	
7	Sở Công thương	256	255	0	
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	1260	1223	2	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	3	3	0	
10	Sở Xây dựng	93	55	0	
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	61	61	0	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	21	20	1	
13	Sở Tư pháp	938	726	17	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và DL	88	83	0	
15	Sở Giao thông Vận tải	108	98	0	
16	Sở Lao động, TB&XH	129	110	0	
17	Ban Dân tộc	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>				
1	Châu Thành	651	641	2	
2	Long Phú	752	480	0	
3	Trần Đề	1409	1241	9	
4	Thạnh Trị	273	130	4	
5	Ngã Năm	1100	953	7	
6	TPST	2280	2254	7	
7	Kế Sách	441	352	3	
8	Mỹ Tú	615	609	4	
9	Mỹ Xuyên	1077	860	139	
10	Cù Lao Dung	473	403	2	
11	Vĩnh Châu	584	448	4	
<b>III</b>	<b>Cấp xã</b>				
<b>1</b>	<b>TP. Sóc Trăng</b>				
	Phường 1	92	91	0	
	Phường 2	277	273	1	
	Phường 3	52	51	0	
	Phường 4	0	0	0	
	Phường 5	149	146	2	



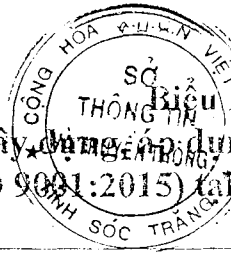
	Phường 6	93	91	0	
	Phường 7	0	0	0	
	Phường 8	84	84	0	
	Phường 9	73	73	0	
	Phường 10	110	103	7	
<b>2</b>	<b>TX. Ngã Năm</b>				
	Phường 1	804	771	8	
	Phường 2	265	244	4	
	Phường 3	842	828	0	
	Long Bình	671	656	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Mỹ Bình	385	314	53	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Mỹ Quới	375	375	0	
	Tân Long	241	235	6	
	Vĩnh Quới	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>3</b>	<b>TX. Vĩnh Châu</b>				
	Phường 1	542	542	0	
	Phường 2	158	153	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Phường Khánh Hòa	489	479	0	
	Phường Vĩnh Phước	403	398	2	
	Hòa Đông	96	96	0	
	Lạc Hòa	8	8	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lai Hòa	250	210	38	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Hải	385	373	6	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Hiệp	0	0	0	
	Vĩnh Tân	763	711	0	
<b>4</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>				
	TT. Châu Thành	872	872	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	An Hiệp	3	1	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	An Ninh	541	538	0	
	Hồ Đắc Kiên	684	699	14	
	Phú Tâm	805	791	0	
	Phú Tân	492	460	20	
	Thiện Mỹ	454	447	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thuận Hòa	288	288	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>5</b>	<b>Huyện Cù Lao Dung</b>				
	TT. Cù Lao Dung	459	459	0	
	An Thạnh 1	40	39	0	
	An Thạnh 2	408	406	2	
	An Thạnh 3	634	632	0	
	An Thạnh Đông	31	31	0	
	An Thạnh Nam	445	443	0	
	An Thạnh Tây	73	71	0	
	Đại Ân 1	1	1	0	

<b>6</b>	<b>Huyện Long Phú</b>				
	TT. Long Phú	426	347	0	
	TT. Đại Ngãi	329	329	2	
	Châu Khánh	439	433	1	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Hậu Thạnh	341	341	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Long Đức	525	521	0	
	Long Phú	1476	1471	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Phú Hữu	271	267	4	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Song Phụng	481	453	3	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tân Hưng	394	394	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tân Thạnh	1852	1849	0	
	Trường Khánh	1443	1360	1	
<b>7</b>	<b>Huyện Kế Sách</b>				
	TT. Kế Sách	0	0	0	
	TT. An Lạc Thôn	42	24	16	
	An Lạc Tây	457	457	0	
	An Mỹ	384	384	0	
	Ba Trinh	0	0	0	
	Đại Hải	593	574	0	
	Kế An	774	773	1	
	Kế Thành	359	321	15	
	Nhon Mỹ	103	103	0	
	Phong Năm	222	192	0	
	Thới An Hội	0	0	0	
	Trình Phú	323	306	7	
	Xuân Hòa	450	416	5	
<b>8</b>	<b>Huyện Mỹ Tú</b>				
	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	0	0	0	
	Hưng Phú	0	0	0	
	Long Hưng	0	0	0	
	Mỹ Hương	0	0	0	
	Mỹ Phước	465	403	62	
	Mỹ Thuận	129	110	17	
	Mỹ Tú	25	24	1	
	Phú Mỹ	0	0	0	
	Thuận Hưng	49	46	2	
<b>9</b>	<b>Huyện Mỹ Xuyên</b>				
	TT. Mỹ Xuyên	626	600	9	
	Đại Tâm	443	304	125	
	Gia Hòa 1	249	230	17	
	Gia Hòa 2	1018	995	12	
	Hòa Tú 1	632	632	0	
	Hòa Tú 2	503	338	164	
	Ngọc Đông	403	403	0	
	Ngọc Tố	517	510	2	



	Tham Đôn	76	73	3	
	Thạnh Phú	1228	1223	0	
	Thạnh Quới	705	703	0	
<b>10</b>	<b>Huyện Thạnh Trị</b>				
	TT. Phú Lộc	196	186	0	
	TT. Hưng Lợi	785	785	0	
	Châu Hưng	0	0	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lâm Kiết	23	23	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lâm Tân	493	480	0	
	Thạnh Tân	307	307	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thạnh Trị	382	365	0	
	Tuần Túc	1106	1104	2	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Vĩnh Lợi	487	478	7	
	Vĩnh Thành	107	104	3	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
<b>11</b>	<b>Huyện Trần Đề</b>				
	TT. Trần Đề	35	35	0	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	TT. Lịch Hội Thượng	687	683	0	
	Đại Ân 2	502	498	3	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Lịch Hội Thượng	127	125	2	
	Liêu Tú	321	290	8	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Tài Văn	70	31	39	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Thạnh Thới An	434	434	0	
	Thạnh Thới Thuận	1	1	0	
	Trung Bình	230	167	47	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Viên An	510	441	62	Hoàn tất cuối Quý IV/2018
	Viên Bình	496	466	19	Hoàn tất cuối Quý IV/2018

*Handwritten signature*



**Biểu mẫu 13B**  
**Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 tại Sở TTTT tỉnh Sóc Trăng Quý I/2019**

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống</b>		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
<b>II</b>	<b>Duy trì, cải tiến hệ thống</b>		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Đang hoàn thiện Quyết định công bố lại ISO
2	Thực hiện đánh giá nội bộ		Chưa đến thời gian thực hiện
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng		Chưa đến thời gian thực hiện
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng		Chưa đến thời gian thực hiện
5	Nội dung khác	0	

*Handwritten signature*



Biểu mẫu 14  
Thống kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo  
Quý I/2019

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết			
I	Cấp tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng)	0	0	0	0	0	
II	Cấp huyện						
III	Cấp xã						

*[Handwritten signature]*